

# QUẢN LÝ GIÁ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

**GS.TS. Trần Minh Đạo**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: daotm@neu.edu.vn*

*Giá cả là sự phản ánh tổng hợp nhiều nhân tố của nền kinh tế quốc dân. Sự biến động của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) phản ánh nhiều khía cạnh của đời sống kinh tế-xã hội của một quốc gia. Trong những năm qua chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam biến động không bình thường, Cụ thể, CPI năm 2008 là 19,9%; năm 2009 là 6,52%; năm 2010 là 11,75% năm 2011 là 18,13%. Bước sang năm 2012, CPI giảm liên tục trong 5 tháng đầu năm, tiếp theo là 2 tháng có trị số âm, tháng 8 CPI lại tăng tới 0,63% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước CPI năm 2012 tăng đã tới 5,4%. Một số hàng hóa, dịch vụ thuộc nhu yếu phẩm cho tiêu dùng của dân cư, nhiều mặt hàng trong số đó lại do các doanh nghiệp nhà nước – hệ thống nòng cốt của kinh tế nhà nước- cung ứng lại giữ vai trò “đầu tàu” trong việc tăng giá, thậm chí có những mặt hàng tăng giá đến “chóng mặt”. Cụ thể, chỉ trong vòng từ 20 tháng 7 đến 28 tháng 8 giá xăng đã 4 lần điều chỉnh tăng với mức 3.100 đồng/lít; từ 12 tháng 7 giá nước sạch tăng 25%; từ 1 tháng 7 giá điện tăng 5% và giá gas tăng thêm 50-60 ngàn đồng/lít; tiếp đến từ 1 tháng 8 có tới 447 dịch vụ y tế cũng đã được các cơ quan chức năng cho phép tăng giá...Giá nhà ở có thông tin giảm giá liên tục, nhưng những người làm công ăn lương chân chính và có nhu cầu thực sự vẫn rất khó tiếp cận. Chỉ số giá tiêu dùng luôn ở mức cao so với các nước trên thế giới và khu vực (của họ thường là 1-2% cùng lắm là 3-4%) và biến động rất thất thường là đặc trưng nổi bật của hệ thống giá cả ở Việt Nam trong thời gian qua. Vậy nguyên do vì đâu và giải pháp khắc phục là gì xuất phát từ góc độ quản lý nhà nước về giá? Đó là tâm điểm mà bài viết này muốn khái quát và đề cập.*

**Từ khóa:** quản lý giá, CPT

Việt Nam là quốc gia đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và cho đến nay vẫn chưa thể có một nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh đó là một thực tế. Xuất phát từ yêu cầu của việc xây dựng nền kinh tế thị trường, dựa vào những nguyên tắc, nguyên lý của kinh tế thị trường trong việc đề xuất cơ chế và chính sách quản lý giá cả các hàng hóa và dịch vụ là hoàn toàn xác đáng. Nhưng trong quá trình xây dựng cơ chế chính sách quản lý giá, các cơ quan chức năng và Chính phủ phải xuất phát từ những đặc điểm của đất nước để có những điều chỉnh, vận dụng phù hợp cũng là điều bắt buộc phải làm.

Một trong những đặc trưng của nền kinh tế thị trường là phải có hệ thống giá được hình thành theo cơ chế thị trường. Mặt khác, nền kinh tế thị trường

còn được thể hiện qua việc thừa nhận và đảm bảo quyền tự do của các chủ thể tham gia thị trường, trong đó, bao gồm cả quyền tự do thỏa thuận giá mua, bán các hàng hóa, dịch vụ. Nhưng trên thực tế chưa hề tồn tại một nền kinh tế thị trường tự do tuyệt đối như thế. Tính tự do trong nền kinh tế thị trường chỉ là xu hướng chủ đạo, là khát khao của nhà nước và dân chúng, còn các chủ thể kinh doanh lại khát vọng một vị thế độc quyền. Nền kinh tế càng đạt được tính tự do cao độ thì lợi ích đem lại cho cả dân cư và nhà kinh doanh càng công bằng. Tự do trong nền kinh tế thị trường có nghĩa là không bên nào ép buộc hoặc gây áp lực được với bên nào để dành lợi thế cho riêng mình. Do (qua lịch sử phát triển nền kinh tế thị trường trên thế giới) không có một nền kinh tế thị trường tự do hoàn hảo như thế

cho nên luôn cần có bàn tay nhà nước, sự can thiệp-quản lý của nhà nước để đảm bảo sự công bằng cho các chủ thể tham gia thị trường. Vai trò, cơ chế, chính sách, biện pháp can thiệp của nhà nước đối với giá cả phải trên cơ sở kiểm soát các nhân tố hình thành giá cả thị trường và sẽ thay đổi tùy theo mức độ tự do của thị trường. Lâu nay, khi nói đến việc hình thành giá theo cơ chế thị trường, người ta thường cho rằng đó là việc giao toàn quyền cho doanh nghiệp định giá hoặc nói đến yêu cầu của việc xây dựng nền kinh tế thị trường có nghĩa là phải đề cao, nhấn mạnh quyền tự do, trong đó có quyền tự do định giá cho doanh nghiệp. Đó là những nhận thức chưa chuẩn.

Sự hình thành giá cả thị trường trong tất cả các nền kinh tế thị trường đều chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố. Với tư cách là một biến số, chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, CPI của đất nước, trong một thời kỳ nhất định, không những chịu tác động của những yếu tố thuộc chủ quan của từng doanh nghiệp mà còn chịu sự tác động của nhiều biến số kinh tế vĩ mô. Các nhân tố này tác động đến giá cả một cách đan xen với nhau, chông chéo lên nhau đến mức, khó có thể thấy được đâu là điểm khởi đầu hay đâu là nhân tố khởi phát. Nhưng về mặt khoa học hình thành giá cả, nếu không tìm ra và giải thích cặn kẽ những nguyên nhân mang tính quyết định chi phối sự hình thành và vận động của giá cả và chỉ số giá thì không thể quản lý được chúng. Xuất phát từ đó, bài viết này tập trung vào giải thích những nguyên nhân cốt yếu nhất làm cho CPI, trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam, diễn biến theo chiều hướng luôn cao và thiếu ổn định. Từ đó gợi mở cho việc đề xuất các giải pháp từ góc độ quản lý giá của nhà nước để cải thiện chúng theo hướng phục vụ tốt hơn cho sản xuất và đời sống của đất nước. Theo chúng tôi có thể kể ra nhưng nguyên nhân và hướng khắc phục sau:

*Thứ nhất*, tình trạng CPI trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam thời gian qua luôn tăng cao và thiếu ổn định là do mối quan hệ tổng cung và tổng cầu không bình thường, qua đó cũng có thể nói quản lý mối quan hệ cung cầu của nhà nước còn nhiều bất cập, không chỉ xét trên bình diện tương quan tổng cung tổng cầu mà cả tương quan cung cầu của từng mặt hàng. Đây là lý do cốt yếu và khái quát nhất làm cho chỉ số giá có xu hướng tăng nhanh.

Sự hình thành và vận động của giá cả thị trường

luôn chịu sự tác động của các quy luật điển hình của nền kinh tế thị trường, trong đó có quy luật cung cầu. Quy luật cung cầu quyết định trực tiếp mức giá thị trường thông qua sự vận động của tương quan cung cầu. Trong cùng một xu hướng vận động tăng, nếu cầu tăng với tốc độ nhanh hơn cung thì tương quan cung cầu đó tất yếu sẽ làm cho giá cả tăng. Đây, có thể, là tương quan đặc trưng của tổng cung và tổng cầu của hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam thời gian qua. Và đó chính là lý do làm cho CPI vận động theo chiều hướng tăng như đã chỉ ra ở trên. Nhưng vì sao tương quan cung cầu của Việt Nam lại diễn ra theo chiều hướng cầu tăng nhanh hơn cung trong thời gian vừa qua. Đây cũng là hiện tượng có nhiều nguyên nhân sâu xa, sẽ được đề cập trong các tình huống liên quan dưới đây.

Liên quan đến nhận định trên, trước hết, có thể khẳng định rằng, chính phủ nào khi cầm quyền cũng muốn GDP của đất nước tăng trưởng với tốc độ nhanh. Mà để đạt được tốc độ tăng GDP cao thì phải tìm mọi cách tăng đầu tư. Để tăng vốn đầu tư, chính phủ cần huy động từ nhiều nguồn: tư nhân, nước ngoài, nhà nước. Việt Nam đang trong giai đoạn đầu của việc xây dựng nền kinh tế thị trường, nên chính phủ luôn tìm mọi cách để thu hút và gia tăng mọi nguồn vốn đầu tư. Tất cả những quyết sách trên không có gì sai. Điều đáng nói ở đây là, trong tiến trình đó, Chính phủ Việt Nam thường có xu hướng chạy theo số lượng- quảng canh, hài lòng, thỏa mãn với tốc độ tăng cao của GDP, mà “sao nhãng” hoặc chưa chú trọng thỏa đáng đến việc kiểm soát chất lượng, hiệu quả của tăng trưởng. Xu hướng trên tất yếu đưa đến kết cục là hệ số sinh lời trên vốn đầu tư của Việt Nam thường thấp và thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới, tương ứng với đó là hệ số ICOR của Việt Nam luôn vào loại cao. Trên bình diện kinh tế vĩ mô, việc ngân sách nhà nước luôn luôn thâm hụt ở mức cao, cán cân thương mại luôn trong tình trạng thâm hụt có xu hướng gia tăng... nhưng vẫn được minh chứng và biện hộ là “nằm trong giới hạn cho phép”. Hậu quả của tình trạng đó, trên bình diện tổng quát, tất yếu dẫn đến kết cục là làm cho CPI tăng cao và thiếu ổn định cả từ góc độ chi phí đẩy lẫn cầu kéo. Cho đến giờ này, những điều vừa đề cập ở trên, các nhà khoa học, các các cơ quan quản lý cao nhất của nhà nước Việt Nam cũng đã biết. Đường hướng tổng thể để

khắc phục tình trạng trên cũng đã được các cơ quan này đề ra. Đó là “đổi mới mô hình và chất lượng tăng trưởng” thông qua việc tái cấu trúc lại nền kinh tế và chính phủ chọn lĩnh vực đầu tiên cần tái cấu trúc là ngân hàng và hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Về lĩnh vực lựa chọn tiên phong trong việc tái cấu trúc là hoàn toàn xác đáng. Nhưng theo chúng tôi, để việc tái cấu trúc DNNN thành công, những đề xuất cần phải trên cơ sở bắt trúng bệnh, mà bệnh điển hình nhất của phần nhiều doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là hệ thống DNNN, hiện nay là năng suất và hiệu quả đều thấp và thiếu bền vững. Nhưng trên thực tế, một trong những điểm nổi bật được đề ra cho việc tái cấu trúc của hệ thống DNNN hiện nay là thoái vốn đầu tư ở các lĩnh vực kinh doanh không thuộc nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp. Điều đó, có thể là cần, nhưng chưa chắc đã trúng vấn đề trọng tâm. Theo chúng tôi, vấn đề trọng tâm của đổi mới mô hình tăng trưởng, trong đó có việc tái cấu trúc hệ thống DNNN phải là nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tại từng doanh nghiệp cũng như trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân (sau khi đã tách bạch được những lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp vì nhiệm vụ chính trị), bao gồm: đổi mới thị trường, đổi mới sản phẩm, đổi mới công nghệ, đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... Liên quan đến từng chủ đề này cần phải được bàn cụ thể, sâu sắc và chi tiết trong từng đề án riêng, đồng thời sử dụng những thước đo chuẩn mực để đo lường, đánh giá công khai, chính xác quá trình này. Trong nền kinh tế thị trường các chỉ tiêu đo lường, đánh giá chất lượng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tất yếu phải là các chỉ tiêu liên quan đến hiệu quả kinh tế sử dụng các nguồn lực. Chỉ có căn cứ vào các chỉ tiêu đó thì mới có cơ sở đề xuất các giải pháp trúng và thiết thực để cải thiện sự yếu kém và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Khi các giải pháp để tái cấu trúc hệ thống doanh nghiệp, nói riêng, và nền kinh tế quốc dân, nói chung, được đề ra trúng thì tốc độ và tính bền vững của sự tăng trưởng mới được đảm bảo, từ đó mới tạo ra được một tương quan cung cầu tích cực và điều đó sẽ là một trong những tiền đề trọng yếu đảm bảo cho giá cả thị trường ổn định. Đến lượt mình, khi giá cả ổn định và công bằng sẽ tạo được một chuẩn mực chính xác cho việc lựa chọn các phương án kinh doanh của các doanh nghiệp và từ đó sẽ làm cho hiệu quả sử dụng các nguồn lực lại

được cải thiện hơn. Đây mới là một vòng xoáy tích cực về mối quan hệ giữa chất lượng tăng trưởng, tương quan cung cầu và giá cả thị trường mà nền kinh tế thị trường “sinh sau, đẻ muộn” như Việt Nam cần theo đuổi.

*Thứ hai*, sự hình thành của giá cả và sự biến động theo xu hướng thiếu ổn định (tăng, giảm thất thường) của CPI trong nền kinh tế trường của Việt Nam trong những năm qua chịu tác động rất lớn của chính sách tiền tệ và sự yếu kém của hệ thống ngân hàng.

Sự biến động của giá cả thị trường và chỉ số giá, ngoài yếu tố tương quan cung cầu, còn chịu tác động trực tiếp của yếu tố tiền tệ. Thực ra, chính sách tiền tệ, suy cho cùng, cũng liên quan rất mật thiết với mối quan hệ tổng cung và tổng cầu, với giá trị của đồng nội tệ và sức mua của nó. Khi lượng cung tiền quá mức hoặc lớn nhưng hiệu quả thấp, thì tất yếu làm cho giá trị đồng tiền giảm sút, sức mua yếu đi và, do đó, cầu danh nghĩa tăng và đẩy giá tăng. Trong trường hợp này CPI tăng sẽ vừa do cầu kéo và cả do chi phí đẩy.

Trên bình diện vĩ mô có thể dễ dàng nhận thấy, chính sách tiền tệ của Việt Nam kể từ năm 2008 đến nay có rất nhiều yếu tố thất thường làm cho CPI biến động không bình thường. Sự thất thường ở đây biểu hiện ở chỗ khi GDP có dấu hiệu tăng chậm thì chính phủ lại tìm cách tăng cung tiền, khi lượng tăng cung tiền quá mức hoặc không hiệu quả làm cho chỉ số giá tăng cao gây ra nguy cơ lạm phát, thì chính phủ lại dùng các biện pháp tức thì để thắt chặt tiền tệ, khi thắt chặt tiền tệ làm cho GDP tăng chậm lại thì lại có áp lực cho rằng có nguy cơ thiếu phát, khi áp lực này mạnh thì lại tạo ra sức ép tăng cung tiền. Vòng luẩn quẩn đó cứ lặp đi lặp lại thiếu sự tính toán, cân nhắc một cách đủ tin cậy, cộng thêm đôi khi do áp lực của các “nhóm lợi ích” (về vấn đề này cũng sẽ được đề cập ở phần sau) làm cho chỉ số giá biến động bất thường. Theo dõi CPI từ 2008 đến nay đã phản ánh trung thực chu kỳ này.

Trên bình diện vi mô, phải kể tới sự yếu kém của hệ thống ngân hàng thương mại. Cho đến giờ này sự yếu kém này, có thể nói, đang hé mở trên quá nhiều phương diện. Nhìn lại những năm qua, chúng ta thấy, số lượng các ngân hàng ở Việt Nam được “mọc ra như nấm”, các ngành, các lĩnh vực, thậm chí, các doanh nghiệp cũng có thể đứng ra thành lập ngân hàng. Vì sao lại như vậy? Trong điều kiện của

nền kinh tế thị trường, câu trả lời, chỉ có thể, là vì sự hấp dẫn của lợi nhuận siêu ngạch và siêu lợi nhuận. Trong những năm, trước khi (trước 2011) chính phủ thực thi việc tái cấu trúc lại hệ thống ngân hàng thương mại, thông tin từ các ngân hàng luôn luôn là lợi nhuận “khủng”, lương “khủng”, thu nhập của cán bộ, nhân viên ngân hàng luôn “khủng”. Những cái “khủng” này đã tạo ra một lực hấp dẫn, một sức hút “mãnh liệt” không chỉ đối với việc hình thành ngân hàng mới mà, thậm chí, ngay cả đối với nguồn nhân lực cho lĩnh vực ngân hàng.

Nhưng điều đáng nói ở đây là, mặc dù thu nhập, lợi nhuận, tiền lương của hệ thống ngân hàng là “khủng”, nhưng tình trạng nợ xấu trong lĩnh vực này, phải công khai thừa nhận, cũng càng ngày càng “khủng” đến mức, giờ đây, rơi vào tình trạng khó kiểm soát. Từ đó có thể nhận thấy, việc kinh doanh tiền tệ (trước khi có Nghị quyết 11 CP của chính phủ và chủ trương tái cấu trúc hệ thống ngân hàng) là vô cùng tùy tiện, bất chấp hiệu quả chung của nền kinh tế quốc dân và hiệu quả thực của kinh doanh tiền tệ. Trái lại, hệ thống kinh doanh này đã khai thác triệt để tính khan hiếm của nguồn vốn tiền tệ và sự bảo hộ của nhà nước (do luôn có tâm lý lo sợ sự đổ vỡ mang tính dây chuyền hệ thống), để vì lợi ích riêng của cán bộ tín dụng, của hệ thống ngân hàng và, có thể, cả vì lợi ích nhóm, thiếu công khai, minh bạch, tự tung, tự tác bất chấp những hậu quả khôn lường, như đang được “vén màn” trong thời gian gần đây (xem bài “Vòi bạch tuộc” lũng đoạn thị trường, trên báo Thanh niên số 251 ra Thứ sáu, ngày 7.9.2012 để thấy một trong những góc nhìn đối với hệ thống này). Như vậy, từ góc độ quản lý giá cả thị trường chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy, việc cung tiền của hệ thống ngân hàng thương mại có lúc đã rơi vào trạng thái tùy tiện, vô tội vạ, không cần kiểm soát, miễn là có lợi ích cho ai đó. Chính phủ thì không cần kiểm soát chi phí và hiệu quả thực của hệ thống này, nợ xấu của các ngân hàng thì được “đẩy lại”, ăn chia tiền lương và mọi thu nhập không cần tính đến khoản này, với hy vọng khoản nợ xấu sẽ được nhà nước gánh chịu thông qua việc hình thành Công ty mua bán nợ xấu (bằng nguồn vốn ngân sách— như có phương án đã từng kiến nghị với Quốc hội). Trong điều kiện như vậy, trên bình diện chung, giá cả thị trường bị đẩy lên do tác dụng hút của lực cầu tiền là đương nhiên. Thêm vào đó, việc bơm tiền, trong nhiều trường hợp, lại được tập trung cho

việc thao túng lĩnh vực kinh doanh bất động sản, có thời điểm là, chứng khoán, thị trường vàng... đã làm méo mó toàn bộ các quan hệ thị trường bình thường của đất nước Việt Nam trong một thời gian dài mà cho đến nay vẫn còn hệ lụy, gây nhiều bất ổn cho sản xuất và đời sống, song chưa thể khắc phục một sớm một chiều. Tình hình trên đã làm cho hệ thống giá cả của nhiều hàng hóa và dịch vụ được hình thành ở Việt Nam trong thời gian qua hàm chứa nặng sự tác động của yếu tố đầu cơ. Bởi vì, những hàng hóa kể trên, đặc biệt là giá bất động sản và vàng, ở nước ta lại có vai trò rất lớn trong việc dẫn đạo toàn bộ giá cả thị trường các hàng hóa và dịch vụ khác. Khi nào giá vàng, giá bất động sản, giá chứng khoán (trước đây còn có cả giá USD) còn bị đẩy lên quá cao so với nhu cầu thực của quan hệ thị trường, của tiêu dùng thực thì giá nhiều hàng hóa và dịch vụ khác còn bị lôi kéo bởi khuynh hướng giá đầu cơ.

Với những nhận định và phân tích trên có thể nhận thấy, để cho hệ thống giá cả thị trường ở Việt Nam hình thành và vận động bình thường, không gây tổn hại hoặc tạo tiềm ẩn gây tổn hại đến sản xuất và đời sống thì trong nghiệp vụ quản lý nhà nước về giá, cần quản lý nghiêm ngặt giá các hàng hóa giữ vai trò dẫn đạo mặt bằng giá chung, đồng thời phải quản lý chặt chẽ kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại theo đúng nguyên tắc: quản lý chặt chi phí kinh doanh, đồng thời, thu nhập, tiền lương và lợi nhuận của hệ thống ngân hàng phải đặt trong tổng thể thu nhập của các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân, xuất phát từ hiệu quả chung của nền kinh tế thị trường Việt Nam và hiệu quả riêng của hệ thống ngân hàng. Mặt khác, trên bình diện kinh tế vĩ mô, Nhà nước phải điều khiển lượng cung tiền ăn khớp với tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Kiên quyết xóa bỏ những tiêu cực và “nhóm lợi ích” hình thành và thao túng lĩnh vực ngân hàng, minh bạch hóa kết quả và hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại giống như mọi lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân.

*Thứ ba*, Sự tồn tại thường ở mức cao và biến động thiếu ổn định của CPI trong nền kinh tế thị trường Việt Nam trong những năm qua và hiện tại còn có một nguyên nhân xác đáng khác, đó là vai trò yếu kém trong quản lý giá cả thị trường của các cơ quan chức năng của Chính phủ. Về mặt này, có thể



kể đến các phương diện: sự tách bạch giữa vai trò quản lý nhà nước về giá chưa mạch, chưa nghiêm; các hình thức và phương pháp quản lý giá chưa phù hợp với các hình thái của thị trường; nhân lực, năng lực, phương tiện, phương pháp, tính kịp thời và nhạy bén... trong quản lý giá vừa thiếu, vừa yếu. Dưới đây sẽ lần lượt xem xét các phương diện trên.

Khi nói đến cơ chế kinh tế thị trường thì người ta thường liên tưởng đến quyền tự chủ định giá của doanh nghiệp và quyền quản lý nhà nước về giá của Chính phủ. Quyền của hai phía này phải được tách bạch một cách rạch ròi. Quyền tự chủ của doanh nghiệp trong việc định giá bán hàng hóa, dịch vụ của mình cho phép doanh nghiệp toàn quyền tính toán phương án và quyết định mức giá bán theo luật định với các nguyên tắc công khai, minh bạch và công bằng. Nhưng quyền đó cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi không trung thực, định giá mang tính gian dối, lừa bịp... gây tổn hại đến lợi ích của bên mua hàng. Như vậy trọng trách rất lớn của các cơ quan nhà nước và chính phủ là xây dựng luật và quản lý việc quy định giá của các doanh nghiệp theo đúng luật. Cho đến giờ này, Nhà nước Việt Nam đã chính thức ban hành Luật giá. Khi chưa có luật thì nhà nước và chính phủ cũng ban hành các Pháp lệnh, Nghị định (các văn bản dưới luật) để quản lý giá. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng, mặc dù đã có hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến quản lý giá, nhưng việc áp dụng chúng vào thực tiễn còn gây quá nhiều tranh cãi. Chẳng hạn như, liên quan đến quản lý giá xăng, dầu chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2009/NĐ-CP, hoặc liên quan đến quản lý giá điện ngoại Luật giá, còn có Luật điện lực... nhưng mỗi lần các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực này điều chỉnh giá đều gây ra những dư luận chưa thật "hài lòng" từ phía báo giới và người tiêu dùng. Họ thường cho rằng, các cơ quan chức năng của nhà nước vẫn "thiên vị" với các doanh nghiệp, quay lưng lại với lợi ích của người tiêu dùng. Điều này, trong nhận thức của chúng tôi, báo giới và người tiêu dùng không phải không có lý, khi giá điện thì luôn được điều chỉnh tăng, còn giá xăng dầu tăng với nhịp độ mau và/ hoặc tăng thì nhanh và cao còn giảm thì chậm và nhỏ giọt, trong khi đó kinh doanh và tài chính của cả hai doanh nghiệp này còn nhiều uẩn khúc và thiếu minh bạch, cơ sở hình thành giá chưa đủ tin cậy và cũng không được chính

các cơ quan quản lý nhà nước đảm bảo về độ tin cậy. Theo chúng tôi, vấn đề ở đây bắt nguồn từ chỗ, xăng, dầu, điện... và một số hàng hóa thiết yếu khác vẫn do hoặc chủ yếu do các DNNN sở hữu và kinh doanh, nên các cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với những hàng hóa dịch vụ này thường lúng túng trong việc theo đuổi đến cùng và giải quyết triệt để, rõ ràng, đủ độ tin cậy về các dư luận như trên của báo giới và dư luận xã hội. Như vậy, các cơ quan quản lý nhà nước về giá vẫn chưa đóng trọn vai trò trọng tài và là người cầm cân, nẩy mực tin cậy theo hướng đảm bảo sự công bằng khách quan trong các giao dịch thị trường. Trước hiện tượng này, giải pháp khắc phục chỉ có thể là cố gắng tối thiểu hóa chủ thể sở hữu nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh.

Việc lựa chọn công cụ và hình thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường của chính phủ Việt Nam, trong thời gian qua, tuy có tính đến nhưng chưa triệt để xuất phát từ yêu cầu hay tính chất của các hình thái thị trường. Theo mức độ tự do của thị trường, các nhà kinh tế học đã phân chia thị trường ra thành bốn hình thái, tương ứng với đó là bốn mức độ trao quyền tự chủ kinh doanh, nói chung, và định giá, nói riêng, cho các doanh nghiệp. Đó là thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh độc quyền, thị trường độc quyền đa phương và thị trường độc quyền đơn phương. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh độc quyền thường có vô số hoặc rất nhiều doanh nghiệp là người bán và/hoặc là người mua, mặc dù các doanh nghiệp hoạt động độc lập với nhau, nhưng không một doanh nghiệp cá biệt nào có thể chi phối giá thị trường vì lợi ích của riêng của mình. Trái lại, trong thị trường độc quyền bán đơn phương và độc quyền bán đa phương hay còn gọi là độc quyền tập đoàn, hoặc chỉ tồn tại một doanh nghiệp bán duy nhất hoặc một số lượng hữu hạn các doanh nghiệp bán một loại sản phẩm, nên doanh nghiệp đó hoặc nhóm doanh nghiệp đó thường có những hành động tự mình hoặc liên kết nhóm để chi phối giá bán vì lợi ích của riêng mình. Đối với những thị trường này cần phải có sự quản lý chặt chẽ mức giá bán.

Trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam hiện nay, điện năng cung ứng cho đất nước, gần như tuyệt đại bộ phận được sản xuất do Tập đoàn điện lực Việt Nam. Còn khâu truyền tải và bán cho các hộ tiêu dùng hoàn toàn do Tập đoàn này đảm nhiệm.

Sản phẩm này, có thể coi là, thuộc thị trường độc quyền đơn phương. Tiếp đến là xăng, dầu cung ứng cho nền kinh tế quốc dân, hiện nay, ngoài một phần nhỏ do nhà máy lọc dầu Dung Quất chế biến và cung cấp, còn tuyệt đại bộ phận lượng xăng, dầu sử dụng trong nước do 11 doanh nghiệp đầu mỗi được phép nhập khẩu, trong đó Tổng công ty xăng, dầu Việt Nam (Petrolimex) được phép nhập khẩu và cung ứng cho thị trường tới 60% khối lượng, nếu kể cả PV Oil và Petex, thì lượng này chiếm tới 90%. Không cần phải bàn luận gì thêm, rõ ràng đây là thị trường độc quyền tập đoàn hay độc quyền nhóm. Dù nền kinh tế thị trường phát triển ở trình độ nào thì giá cả hai hàng hóa trên tất yếu phải do nhà nước kiểm soát. Về phương diện lý thuyết kinh tế học, việc kiểm soát giá thị trường hai loại hàng hóa trên dứt khoát phải thông qua kiểm soát chi phí đầu vào và thu nhập, lợi nhuận. Cũng có trường hợp nhà nước quản lý giá các sản phẩm này bằng cách quy định giá trần, nhưng dù áp dụng hình thức nào thì nhà nước cũng phải buộc các doanh nghiệp phải đảm bảo tổng lượng cung. Ở Việt Nam hiện nay đang sử dụng hình thức đầu tiên. Nhưng cũng phải nói rằng, mặc dù Nhà nước đã quy định cả công thức tính giá, trong đó có khoản phí định mức (chẳng hạn đối với giá xăng, dầu), nhưng mặc dù có quy định như vậy, việc kiểm soát chi phí và thu nhập của doanh nghiệp đều rất yếu. Bên cạnh đó, trong các văn bản pháp quy, (chẳng hạn, trong Nghị định 84 của Chính phủ “ nghị định về kinh doanh xăng dầu”) nhà nước thường quy định đối với giá những mặt hàng này “được thực hiện theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước”. Với quy định như trên lại được, không chỉ cơ quan quản lý nhà nước về giá, mà ngay cả các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng này, hiểu là trao toàn quyền định giá cho doanh nghiệp (tức doanh nghiệp chủ động đề xuất phương án điều chỉnh giá), các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá phê duyệt. Thực ra hiểu như vậy cũng không phải hoàn toàn sai, nhưng nếu hiểu như vậy trong bối cảnh tính minh bạch tài chính doanh nghiệp còn thấp, cơ quan quản lý nhà nước về giá không quản lý được chi phí kinh doanh hợp lý (mà chỉ thiên về chấp nhận chi phí thực tế), thu nhập và chưa đủ chế tài, năng lực khống chế hiện tượng găm hàng, đầu cơ, cũng không ràng buộc các cơ sở kinh doanh có bất kỳ động thái nào phần đầu giảm thấp chi phí đầu vào (hoặc nhập khẩu hàng vào nhiều khi giá thế giới

thấp nhằm mưu lợi cho mình và cho cả người tiêu dùng) và chi phí kinh doanh... dẫn đến mọi biến động của thị trường đều được phản ánh tức thì vào phương án điều chỉnh giá bán lại là sai và không phù hợp. Với giá các yếu tố đầu vào trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, như giá điện và giá xăng dầu,... việc quản lý nhà nước đối với chúng phải hướng tới việc ràng buộc các doanh nghiệp tham gia kinh doanh giảm thấp chi phí để ổn định giá mới là điều nên và đáng làm, chứ không phải theo hướng phản ánh mọi yếu kém trong quản lý của doanh nghiệp và mọi biến động của giá các yếu tố đầu vào. Thay đổi, đặc biệt là theo chiều hướng tăng, giá các hàng hóa này thường gây tác động dây chuyền và sự bất ổn cho tất cả các hệ thống giá hàng hóa, dịch vụ khác.

Đối với Việt Nam hiện nay, ngoài thị trường điện, xăng, dầu, gas, còn một số hàng hóa dịch vụ khác, cũng cần có sự quản lý nghiêm ngặt về giá của nhà nước, đó là: giá thuốc chữa bệnh (đặc biệt là các loại thuốc được bán theo đơn- ECT), lãi suất ngân hàng, giá bất động sản,... nói chung là, các hàng hóa thuộc thị trường khan hiếm, thị trường dễ bị đầu cơ, làm giá (kể cả thị trường vàng và chứng khoán- thị trường chứng khoán, về phương diện lý thuyết, được xếp vào thị trường cạnh tranh hoàn hảo, nhưng ở Việt Nam không như vậy). Hình thức và công cụ quản lý giá các hàng hóa, dịch vụ này cũng gần tương tự như hình thức và công cụ quản lý giá hàng hóa, dịch vụ trên thị trường độc quyền đơn phương và đa phương. Như vậy, số lượng các hàng hóa và dịch vụ ở Việt Nam thuộc đối tượng quản lý nhà nước về giá nhiều hơn so với các nước.

Từ tất cả những phân tích ở trên đã chỉ ra một nguyên lý bất di, bất dịch đối với công tác quản lý nhà nước về giá trong nền kinh tế thị trường là, chỉ có trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh độc quyền thì giá cả mới hình thành tự do và vai trò quản lý giá của nhà nước mới ở mức tối thiểu. Còn ở tất cả các thị trường còn lại, khi nói giá cả được hình thành theo cơ chế thị trường, điều đó không có nghĩa là doanh nghiệp được toàn quyền định giá, mà trái lại trên các thị trường này luôn cần có sự quản lý nhà nước về giá cả một cách chặt chẽ bằng những hình thức và công cụ phù hợp.

Một trong những lý do khác góp phần làm cho CPI của Việt Nam, thời gian qua, thường cao và thiếu ổn định là do năng lực yếu của cơ quan quản lý nhà nước về giá. Sự yếu kém này được thể hiện

một cách toàn diện trên các mặt: năng lực chuyên môn, số lượng đội ngũ, chế tài... Kể từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, (cũng có quan niệm cho rằng, trong nền kinh tế thị trường không cần quản lý giá) Việt Nam không còn đào tạo các chuyên gia quản lý giá. Các cán bộ làm công tác này trong các cơ quan nhà nước phần nhiều là “trái tay”, nên nghiệp vụ thường yếu. Viện nghiên cứu khoa học Thị trường- Giá cả càng ngày càng xa rời vai trò tư vấn cho cơ quan quản lý nhà nước về giá. Công việc quản lý nhà nước về giá hiện nay không được triển khai trong toàn hệ thống chính quyền từ Trung ương đến cơ sở. Chế tài đối với việc thực thi Pháp lệnh giá (trước đây) và Luật giá hiện nay không đủ mạnh để hỗ trợ cho toàn bộ Bộ máy nhà nước ngăn chặn các hành vi lũng đoạn hoặc thao túng giá thị trường.

*Thứ tư*, cuối cùng không thể không kể đến sự tác động của môi trường quốc tế tới hệ thống giá trong nước. Kể từ năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 151 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thì cũng từ đó, CPI trong nước cũng trực tiếp chịu ảnh hưởng nặng của giá thế giới. Chỉ sau chưa đến một năm, Việt Nam tham gia vào WTO, thì Thế giới bước vào cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính. Dưới áp lực đó cộng thêm, do sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước còn yếu, nhiều yếu tố đầu vào phải nhập khẩu, thị trường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp bị thu hẹp, cán cân thương mại bị thâm hụt nặng, chi tiêu công bị đẩy lên quá mức... tóm lại có, hàng loạt yếu tố đã làm cho CPI của Việt Nam cũng bị chao đảo mạnh. Chẳng hạn, giá năng lượng trên thị trường thế giới, do cuộc chiến ở vùng Vịnh, cuộc

cầm vận của Mỹ đối với nước cộng hòa Hồi giáo Iran (đây là khu vực và các quốc gia xuất khẩu dầu lửa), đã bị đẩy liên tục tăng. Chỉ riêng sự biến động của giá thế giới đối với một mặt hàng như vậy, CPI của Việt Nam đã bị ảnh hưởng rất nặng nề và các cơ quan quản lý nhà nước về giá phải đối phó rất khó khăn. Ngoài ra, Việt Nam cũng còn phải nhập khẩu điện từ Trung Quốc với mức giá cao hơn cả giá chào của các công ty phát điện trong nước. Tiếp đến, Việt Nam cũng còn phải nhập khẩu tới 50% số thuốc thành phẩm và 90% nguyên liệu chế biến thuốc đều với giá nhập khẩu cao hơn nhiều giá nội địa của quốc gia xuất khẩu... Để khắc phục tình trạng trên không thể một sớm, một chiều. Vì con đường duy nhất, chỉ có thể, phải là tự tạo ra nguồn cung trong nước, nâng cao giá trị xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam, hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô, đẩy mạnh xuất hàng hóa, dịch vụ tinh có giá trị cao.

Từ khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường cho đến nay đã có không ít những bài viết về những nguyên lý quản lý giá trong nền kinh tế thị trường, bài viết trên đây không tiếp cận về phương diện lý thuyết. Trái lại, bài viết này tiếp cận theo hướng phân tích thực trạng hình thành CPI của Việt Nam trong những năm qua, qua đó phát hiện những nguyên nhân từ góc độ quản lý giá, có liên quan đến sự hình thành và vận động không mong muốn của chỉ số giá. Đây là cơ sở cho việc kiến nghị phương hướng và biện pháp quản lý nhà nước về giá trong những năm tiếp theo và trong suốt quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường của Việt Nam. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Robert S. Pindyck, Daniel L. Rubinfeld :Kinh tế học vi mô, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội – 1994.
2. Paul A. Samuelson: Kinh tế học, 1989.
3. PGS.TS. Trần Hậu Thự: Vai trò quản lý nhà nước về giá trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội – 1994.
4. Nghị định về kinh doanh xăng dầu của Chính phủ, Số: 84/2009/NĐ-CP.
5. Hoàng Thu Vân: Chống điệp khúc... tăng giá, Báo Hà Nội mới, ngày 18/8/2012.
6. Hương Ly: Trữ nặng nỗi lo tăng giá, Báo Hà Nội mới, thứ Bảy 25/8/2012.
7. Chí Tùng: Phải làm sạch hệ thống ngân hàng, Báo Lao Động, thứ Năm 6/9/2012.
8. Nguyễn Hằng: “ Vòi bạch tuộc” lũng đoạn thị trường, Báo Thanh Niên, số 251, thứ Sáu, 7/9/2012.
9. Anh Vũ – Mai Hà: Găm xăng chờ giá, có trị được không? Báo Thanh Niên, số 242, thứ Tư, ngày 29/8/2012.